



TÀI LIỆU MÔ TẢ API SMS BRANDNAME

2016

MỤC LỤC	1. API LẤY ACCESS TOKEN	Error! Bookmark not defined.
	2. API GỬI TIN NHẮN BRANDNAME OTP	4
	3. GỬI TIN NHẮN BRANDNAME QUẢNG CÁO:	6
	3.1. Một số quy định gửi tin nhắn quảng cáo:	6
	3.2. Quy trình gửi tin nhắn quảng cáo:	6
	3.3. API tạo campaign:	6
	3.4. API gửi tin nhắn quảng cáo:	8
	3.5. API hủy tin nhắn quảng cáo:	9
	4. BẢNG MÃ LỖI:	10

API Gồm có 2 endpoint:

- **Live:** <http://app.sms.fpt.net>
- **Sandbox:** <http://sandbox.sms.fpt.net>

1. API LẤY ACCESS TOKEN:

- url: <http://sandbox.sms.fpt.net/oauth2/token>
- data type: JSON - method: POST - input:

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
grant_type	String	Có	Loại authen. Hiện tại chỉ hỗ trợ: <i>client_credentials</i>
client_id	String	Có	Đăng ký trong ứng dụng
client_secret	String	Có	Đăng ký trong ứng dụng
scope	String	Có	Quyền yêu cầu, nhiều scope thì các scope cách nhau bằng ký tự khoảng trắng. Gửi tin nhắn brandname otp thì khai báo scope là <i>send_brandname_otp</i>
session_id	String	Có	Session id của ứng dụng.

** Ví dụ:

```
{
  "grant_type": "client_credentials",
  "client_id": "e615D85fc918f252e1754Ce2391c8Ef923AAB401",
  "client_secret": "663642d023602e28784F8789dC939f14a54ece5f588848beBdd6",
  "scope": "send_brandname_otp",
  "session_id": "789dC48b88e54f58ece5939f14a"
}
```

- output: Trường hợp thành công (http status code = 200)

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
access_token	String	Access token trả về
expires_in	Int	Thời gian hết hạn
token_type	String	Kiểu access token
scope	String	Quyền yêu cầu truy cập

** Ví dụ:

```
{
  "access_token": "wVc5M1pwcU5wNE9OVzVYaw9kOXFUOUFaUnFOTFpFdEN1KzY1bFRNW
jhyK1oxUDVFTi9XVDU4YXYzd0dIQ2VRZF1NaTBubndQd09BWE8zai9hQjYrSzFzZWVXOGhGWH
B5cHNzOHMwN0t5VE16M1ZRAd1JM1MrT1BCV312RFJxWFpjZmp2dFYrK1hMbVJNeDhBTXZoOUs
5Q1Bic3gwYyt3QnJ0a1N6Y11EZG5QSEnSOHFvS2E3NVBVOGppNH11SC9r"
  "expires_in": 3600
  "token_type": "Bearer"
  "scope": "send_brandname_otp"
}
```

- Out put: trường hợp lỗi (http status code <> 200)

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
error	Int	Mã lỗi
error_description	String	Diễn giải lỗi

2. API GỬI TIN NHẮN BRANDNAME OTP

- url: <http://sandbox.sms.fpt.net/api/push-brandname-otp>
- Scope yêu cầu: **send_brandname_otp**
- data type: JSON - method: POST - Input:

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
access_token	String	Có	Access token
session_id	String	Có	Session id lúc đăng ký access token
BrandName	String	Có	Brandname đã đăng ký với FPT
Phone	String	Có	Số điện thoại nhận tin nhắn. Định dạng 84xxx, 0xxx. Ví dụ: 84949123456 hoặc 0949123456
Message	String	Có	Nội dung tin nhắn gửi đi. Lưu ý: nội dung phải được mã hóa base64

** Ví dụ:

```
{
  "access_token": "WVc5M1pwcU5wNE9OVzVYaW9kOXFUOUFaUnFOTFpFdEN1KzY1bFRNWjh
yK1oxUDVFTi9XVDU4YXYzd0dIQ2VRZF1NaTBubndQd09BWE8zai9hQjYrSzFzZWVXOGhGWHB5
cHNzOHMwN0t5VE16M1ZRAdlJm1MrT1BCV312RFJxWFpjZmp2dFYrK1hMbVJNeDhBTXZoOU5Q
lBic3gwYyt3QnJ0a1N6Y11EZG5QSENsOHFvS2E3NVBVOGppNH11SC9r",
  "session_id": "abcde",
  "BrandName": "FTI",
  "Phone": "0949123456",
  "Message": "dGVzdCB0aW4gbmjuhuq9u"
}
```

- Output: Trường hợp thành công (http status code = 200)

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
MessageId	Int	Id của tin brandname gửi đi.
BrandName	String	Tên brandname
Phone	String	Số điện thoại gửi tin nhắn. Định dạng 84xxxx
Message	String	Nội dung tin nhắn gửi đi
PartnerId	String	ID của đối tác
Telco	String	Nhà mạng của thuê bao khách hàng.

** Ví dụ:

```
{
  "MessageId": "34379086"
  "BrandName": "FTI"
  "Phone": "84949123456"
  "Message": "test tin nhắn"
  "PartnerId": "556"
  "Telco": "vina"
}
```

- Out put: trường hợp lỗi (http status code <> 200)

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
error	Int	Mã lỗi

error_description	String	Diễn giải lỗi
-------------------	--------	---------------

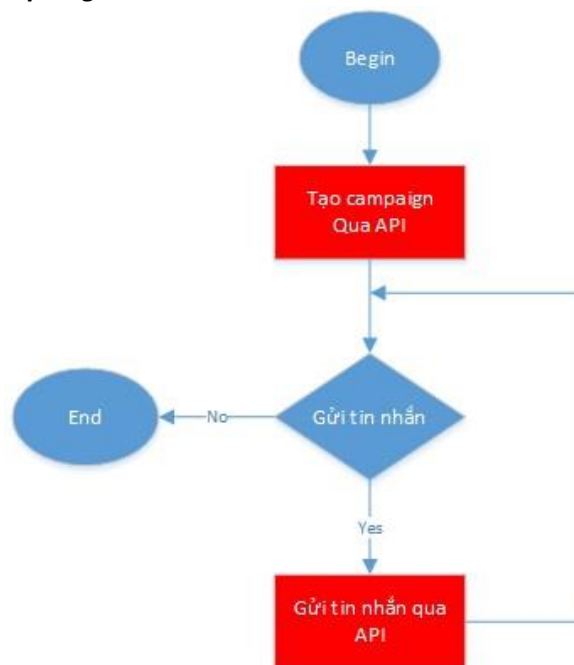
3. GỬI TIN NHẮN BRANDNAME QUẢNG CÁO:

3.1. Một số quy định gửi tin nhắn quảng cáo:

- Thời gian tiếp nhận đơn hàng của nhà mạng: từ thứ 2 đến thứ 6, sáng 8h30- chiều 16h30
- Thời gian duyệt tin nhắn quảng cáo khoản 2-3h
- Thời gian Quý Khách có thể đặt lịch cho tin xuống máy KH cuối: từ thứ 2 đến chủ nhật, tuy nhiên vì nhà mạng có một số khung giờ chặn tin nên Quý Khách lưu ý gửi tin vào những khung giờ sau:

	Thời gian
Buổi sáng	8h00 – 11h30
Buổi chiều	13h30 – 20h00
Buổi tối	

3.2. Quy trình gửi tin nhắn quảng cáo:



3.3. API tạo campaign:

- url: <http://sandbox.sms.fpt.net/api/create-campaign>
- Scope yêu cầu: **send_brandname**
- data type: JSON - method: POST - Input:

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
access_token	String	Có	Access token

session_id	String	Có	Session id lúc đăng ký access token
CampaignName	String	Có	Tên campaign gửi tin nhắn. Tên campaign không được trùng nhau.
BrandName	String	Có	Brandname đã đăng ký với FPT
Message	String	Có	Nội dung tin nhắn gửi đi.
ScheduleTime	String	Có	Thời gian gửi tin nhắn theo quy định. Định dạng: yyyy-mm-dd HH:ii
Quota	Int	Có	Hạn mức gửi tin của Campaign.

** Ví dụ:

```
{
  "access_token": "wVc5M1pwcU5wNE9OVzVYaW9kOXFUOUFa..."
  "session_id": "abcde"
  "CampaignName": "Chuong trinh khuyen mai T6-2016"
  "BrandName": "FTI"
  "Message": "Giam gia 10% cho hoa don tren 10tr dong"
  "ScheduleTime": "2016-06-16 10:30"
  "Quota": "15000"
}
```

- Output: Trường hợp thành công (http status code = 200)

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
CampaignCode	String	Mã số của campaign

** Ví dụ:

```
{
  " CampaignCode": "NjM1575fbf9aa0929"
}
```

- Out put: trường hợp lỗi (http status code <> 200)

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
error	Int	Mã lỗi
error_description	String	Diễn giải lỗi

3.4. API gửi tin nhắn quảng cáo:

- url: <http://sandbox.sms.fpt.net/api/push-brandname-ads>
- Scope yêu cầu: **send_brandname**
- data type: JSON - method: POST - Input:

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
access_token	String	Có	Access token
session_id	String	Có	Session id lúc đăng ký access token
CampaignCode	String	Có	Mã số của campaign
PhoneList	String	Có	Danh sách số điện thoại nhận tin nhắn. Các số điện thoại phân tách nhau bằng dấu phẩy (.). Định dạng: 84xxx, 0xxx

** Ví dụ:

```
{
  "access_token": "wVc5M1pwcU5wNE9OVzVYaw9kOXFUOUFa..."
  "session_id": "abcde"
  "CampaignCode": "NjM1575fbf9aa0929"
  "PhoneList": "84949123456,84949123457"
}
```

- Output: Trường hợp thành công (http status code = 200)

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
BatchId	String	BatchId của tin nhắn quảng cáo. BatchId + số điện thoại (định dạng 84xxx) sẽ ra id của tin nhắn.
NumMessageSent	Int	Số lượng tin đã gửi.

NumRemainQuota	Int	Lượng quota còn lại.
----------------	-----	----------------------

** Ví dụ:

```
{
  "BatchId": "qc.1464073279.8175"
  "NumMessageSent": "2"
  "NumRemainQuota": "14998"
}
```

- Out put: trường hợp lỗi (http status code <> 200)

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
error	Int	Mã lỗi
error_description	String	Diễn giải lỗi

3.5. API hủy tin nhắn quảng cáo:

- url: <http://sandbox.sms.fpt.net/api/cancel-ads>
- Scope yêu cầu: **send_brandname**
- data type: JSON - method: POST - Input:

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
access_token	String	Có	Access token
session_id	String	Có	Session id lúc đăng ký access token
CampaignCode	String	Có	Mã campaign gửi tin nhắn

** Ví dụ:

```
{
  "access_token": "wVc5M1pwcU5wNE9OVzVYaW9kOXFUOUFa..."
  "session_id": "abcde"
  "CampaignCode": "NjM1575fbf9aa0929"
}
```

- Output: Trường hợp thành công (http status code = 200)

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
success	array	Các BatchId hủy thành công.
fail	array	Các BatchId hủy thất bại.

** Ví dụ:

```
{
  "success": ["qc.1464073279.8175", "qc.1465889623.3489"]
  "fail": ["qc.1465888561.3903"]
}
```

- Out put: trường hợp lỗi (http status code <> 200)

Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
error	Int	Mã lỗi
error_description	String	Diễn giải lỗi

4. BẢNG MÃ LỖI:

Mã lỗi	Mô tả
1001	Request không hợp lệ.
1002	Client không được cấp phép truy cập.
1003	Truy cập bị từ chối.
1004	Loại response yêu cầu không được hỗ trợ.
1005	Các scope không hợp lệ
1006	Lỗi server.
1007	Server tạm thời không thể xử lý request từ client.
1008	Thông tin client không đúng.

1009	Loại hình cấp quyền không hợp lệ.
1010	Scope không đủ để truy cập API
1011	Access token không hợp lệ
1012	Access token đã bị thay đổi
1013	Access token hết hạn
1014	Các tham số truyền vào bị lỗi
1015	Không hỗ trợ kiểu loại hình cấp quyền này
1016	Số lượng tin nhắn gửi đã vượt hạn mức